TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **285**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 28/9/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và giao nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Tiến Hào**
2. Bà **Đặng Thị Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thảo Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn số 78/2024/QĐ-HPT ngày 12/9/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị L**, sinh năm 1991

* Bị đơn: Anh **Lương Văn L**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh T.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Sùng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 27/9/2010 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình nhà anh L tại thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận bình thường, đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng và đến đầu năm 2024 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng nhau về quan điểm và lối sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý

trọng nhau nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung tên là Lương Quỳnh N, sinh ngày 15/7/2010; Lương Như Q, sinh ngày 21/9/2015 và Lương Quỳnh N, sinh ngày 09/01/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con gái nhỏ Lương Quỳnh N; yêu cầu anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Lương Quỳnh N và cháu Lương Như Q. Chị và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị và anh L sẽ tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định chị và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không gửi cho Toà án văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải giữa chị Sùng Thị L và anh Lương Văn L được. Ngày 27/8/2024, chị L có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, chị Sùng Thị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chị không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị L, xử cho chị Sùng Thị L được ly hôn với anh Lương Văn L. Về con chung: Giao con chung là cháu Lương Quỳnh N, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Sùng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao hai con chung là cháu Lương Quỳnh N, sinh ngày 15/7/2010 và cháu Lương Như Q, sinh ngày 21/9/2015 cho anh Lương Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị L và anh L không ai có yêu cầu nên hai anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung, chị L xác định không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị HĐXX tuyên chị Sùng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Sùng Thị L và anh Lương Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị Sùng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung, do vậy Toà án nhân dân huyện Yên Sơn xác định quan hệ pháp luật là: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định bị đơn anh Lương Văn L hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh T. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị Sùng L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lương Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị L, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Lương Văn L: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh L đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị L và anh L kết hôn từ năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng của anh chị bình thường cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được nhưng xác nhận anh chị đã không còn là một gia đình hạnh phúc tiến bộ. Bản thân chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ chung sống với nhau được nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L xác định do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh L cũng không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị L. Chị L và anh L đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh L cũng được gia đình và chính quyền đại phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Sùng Thị L và anh Lương Văn L đã thực sự trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ chung sống. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị Sùng Thị L và anh Lương Văn L có 03 con chung là cháu Lương Quỳnh N, sinh ngày 15/7/2010; cháu Lương Như Q, sinh ngày 21/9/2015 và cháu Lương Quỳnh N, sinh ngày 09/01/2020. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con gái nhỏ Lương Quỳnh N, yêu cầu anh L trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lương Quỳnh N và cháu Lương Như Q, hai bên

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét về điều kiện, hoàn cảnh, quyền và nghĩa vụ của chị L và anh L là như nhau, đều có quyền lợi, nghĩa vụ và đủ điều kiện để nuôi con. Xét về nguyện vọng của con trên 7 tuổi thì cháu N và cháu Q có nguyện vọng ở với bố. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của chị L và anh L thì Toà án nên giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nvà cháu Q cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu giao nuôi con chung của chị L là có căn cứ cần được chấp nhận. Chị L và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị Sùng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về vay nợ chung: Chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Sùng Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lương Văn L không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị L được ly hôn anh Lương Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lương Quỳnh N, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Sùng Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao hai cháu Lương Quỳnh N, sinh ngày 15/7/2010 và cháu Lương Như Q, sinh ngày 21/9/2015 cho anh Lương Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Sùng Thị L và anh Lương Văn L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại không ai có yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001554949 ký bởi Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam ngày 29/7/2024 tương ứng với Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002117 ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lương Văn L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Kiến Thiết (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đào Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Tiến Hào - Đặng Thị Huệ **Đào Thị Thu Thuỷ**